

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
TCCS 06:2026/ANOVA

CÔNG TY TNHH SX TM AQUA NOVA	Tên sản phẩm BZTNOVA	Phiên bản: 01 Ngày hiệu lực: 05/05/2026 Ngày cập nhật: 05/05/2026
---	---------------------------------	--

1. Phạm vi áp dụng: Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về chất lượng và an toàn vệ sinh của sản phẩm **BZTNOVA** mục đích Xử lý môi trường (Nhóm Chế phẩm sinh học) dùng trong nuôi trồng thủy sản do CÔNG TY TNHH SX TM AQUA NOVA công bố và chịu trách nhiệm về hàng hóa.

Tài liệu viện dẫn:

TCVN 1532:1993, Thức ăn chăn nuôi - Phương pháp thử cảm quan.

TCVN 6952:2018, (ISO 6498:2012), Thức ăn chăn nuôi - Chuẩn bị mẫu thử.

TCVN 13053:2021, Lấy mẫu sản phẩm xử lý môi trường NTTS

TCVN 11923:2017, Lấy mẫu sản phẩm để kiểm tra chỉ tiêu vi sinh vật.

TCVN 4326:2001 (ISO 6496:1999), Thức ăn chăn nuôi - Xác định Độ ẩm.

TCVN 10780-1:2017, Xác định hàm lượng Salmonella spp.

TCVN 7924-2:2008, Xác định hàm lượng E. coli

BS EN 15784:2021, Xác định hàm lượng Bacillus sp. (Bacillus subtilis)

BS EN 15789:2021, Xác định hàm lượng Saccharomyces spp. (Saccharomyces cerevisiae)

TCCS 110:2017/TTKNII Xác định hàm lượng Rhodopseudomonas spp.

SMEWW 9245:2023 Xác định hàm lượng Nitrosomonas spp.

SMEWW 9245:2023 Xác định hàm lượng Nitrobacter spp.

YÊU CẦU KỸ THUẬT

2. Nguyên vật liệu: *Bacillus spp. (Bacillus subtilis), Saccharomyces spp. (Saccharomyces cerevisiae), Nitrosomonas spp., Nitrobacter spp.*, Chất mang silic dioxyd vô định hình (INS 551) vừa đủ 1 kg

3. Công thức phối chế: Phối chế theo công thức quy định của công ty.

4. Chỉ tiêu kỹ thuật:

(Chỉ tiêu kỹ thuật được xây dựng và công bố theo quy định tại Thông tư số 16/2026/TT-BNNMT ngày 09/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản)

4.1 Nhóm chỉ tiêu cảm quan

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu	Phương pháp thử
1	Dạng sản phẩm	Bột	TCVN 1532:1993
2	Màu sắc	Màu trắng ngà	
3	Mùi vị	Đặc trưng	

4.2 Nhóm chỉ tiêu chất lượng

STT	Tên chỉ tiêu	Hình thức công bố	Đơn vị tính	Mức công bố	Phương pháp phân tích
1	<i>Bacillus spp</i>	Min	CFU/g	10 ⁶	BS EN 15784:2021
2	<i>Saccharomyces spp.</i>	Min	CFU/g	10 ⁶	BS EN 15789:2021
4	<i>Nitrosomonas spp.</i>	Min	CFU/g	10 ⁷	SMEWW 9245:2023

5	<i>Nitrobacter spp.</i>	Min	CFU/g	10 ⁶	SMEWW 9245:2023
6	Độ ẩm	Max	%	10	TCVN 4326:2001
7	Chất mang silic dioxyd vô định hình (INS 551)	Vừa đủ	-	1kg	

4.3 Nhóm chỉ tiêu an toàn

STT	Tên chỉ tiêu	Hình thức công bố	Đơn vị tính	Mức công bố	Phương pháp phân tích
1	<i>E.coli</i>	Max	CFU/g hoặc CFU/ml	10 ³	TCVN 7924-2:2008
2	<i>Salmonella spp.</i>	Max	/25g hoặc 25ml	Không phát hiện	TCVN 10780-1:2017

5. Công dụng và hướng dẫn sử dụng

Công dụng:

Giúp phân hủy chất thải hữu cơ, làm sạch môi trường nước

Giúp kiểm soát khí độc và ức chế vi khuẩn gây hại.

Giúp ổn định màu nước, giảm bùn đáy ao và tăng cường sức khỏe cho vật nuôi thủy sản.

Hướng dẫn sử dụng:

Sử dụng 200g/ 1.000 m³, định kỳ 3-7 ngày/ lần.

Hòa tan hoàn toàn vào nước, tạt đều ao vào lúc 8-10h sáng hoặc chiều mát.

Có thể ủ với mật rỉ đường để tăng sinh khối (sục khí 6-8 tiếng).

- Thời gian ngưng sử dụng trước khi thu hoạch: Không

6. Đóng gói, ghi nhãn, bảo quản và vận chuyển

6.1 Đóng gói

- Sản phẩm được đựng trong bao bì kín
- Quy cách : 500g
- Số lô : (ghi trên nhãn chính).

6.2 Ghi nhãn

Đảm bảo nội dung ghi đúng theo Nghị định 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Bảo quản Nơi khô, thoáng, tránh ánh nắng trực tiếp. Để xa tầm tay trẻ em
- Thẻ tích thực : ghi trên nhãn chính thức
- Ngày sản xuất : trên nhãn chính thức
- Hạn sử dụng : 24 tháng kể từ ngày sản xuất

7. **Vận chuyển:** Phương tiện vận chuyển sản phẩm phải đảm bảo yêu cầu về vệ sinh thú y thủy sản (khô, sạch, không có chất độc hại hoặc bệnh truyền nhiễm...)

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 05 năm 2026



GIÁM ĐỐC

Võ Bá Bình

